

Bản án số: 05 /2022/ DS- ST

Ngày 11/8/2022

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH PHÚ THỌ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Anh Tuấn

- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Đình Đại

Ông Nguyễn Ngọc Quang

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Mai Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Duy Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 04/2022/TLST- DS ngày 04 tháng 3 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06A/2022/QĐXXST- DS ngày 01 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2022/QĐST- DS ngày 29 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng CS**

Địa chỉ: Số 169, phố Đ, phường L, quận M, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T - Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng CS.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trọng H - Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng CS huyện Đ.

Địa chỉ: Khu Tân Thành, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Trọng H: Bà Nguyễn Thị L- Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng CS huyện Đ (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông **Bùi Hồng B**, sinh năm 1979

Địa chỉ: Khu V, xã X, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Bà **Vũ Thị M**, sinh năm 1981

Địa chỉ: Khu V, xã X, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng CS do bà Nguyễn Thị L là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

- Ngày 26/11/2012 ông Bùi Hồng B đứng ra đại diện cho hộ gia đình có vay của Phòng giao dịch Ngân hàng CS huyện Đ số tiền là 8.000.000đ, theo hợp đồng tín dụng số: 1100068429, với mã món vay là 6000001100078115, vay theo chương trình nước sạch vệ sinh môi trường, thời hạn cho vay 60 tháng, lãi suất 0,9%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 130% lãi suất khi cho vay. Kỳ hạn trả nợ: 06 tháng/ lần, hạn trả nợ cuối cùng ngày 21/11/2017, lãi tiền vay được trả định kỳ hàng tháng vào ngày 21. Ông B đã nhận đủ số tiền vay trên qua hình thức nhận tiền mặt trực tiếp.

Đến hạn trả nợ ông Bùi Hồng B không trả được nợ và có xin gia hạn được Ngân hàng đồng ý cho gia hạn 19 tháng, hạn trả nợ cuối cùng ngày 21/6/2019. Đến thời hạn trả nợ cuối cùng ông Bùi Hồng B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo đúng thỏa thuận và đã chuyển nợ quá hạn. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc trực tiếp với ông B để yêu cầu ông thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng ông B không hợp tác, không có thiện chí trả nợ. Đến ngày 19/3/2021 ông B đã trả cho Ngân hàng số tiền 1.000.000đ, còn dư nợ gốc là 7.000.000đ. Tính đến ngày 11/8/2022 hộ gia đình ông Bùi Hồng B còn nợ của Phòng giao dịch Ngân hàng CS huyện Đ số tiền là: 11.197.287đ (trong đó nợ tiền gốc là 7.000.000đ, tiền lãi trong hạn là 3.603.300đ = $(7.000.000đ \times 9\%/365 \times 2.397 \text{ ngày})$ trừ đi lãi đã nộp 533.927đ; Lãi quá hạn 593.900đ = $(7.000.000đ \times 2,7\% \times 1.147/365 \text{ ngày})$).

- Ngày 21/5/2016 ông Bùi Hồng B đứng ra đại diện cho hộ gia đình có vay của Phòng giao dịch Ngân hàng CS huyện Đ số tiền là 40.000.000đ theo hợp đồng tín dụng số: 1100068429, với mã món vay là 600000707439452, vay theo chương trình hộ nghèo, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 0,55%/ tháng, lãi suất nợ quá hạn 130% lãi suất khi cho vay. Kỳ hạn trả nợ: 12 tháng/ lần, hạn trả nợ cuối cùng ngày 21/5/2021, lãi tiền vay được trả định kỳ hàng tháng vào ngày 21. Ông B đã nhận đủ số tiền vay trên qua hình thức nhận tiền mặt trực tiếp. Đến thời hạn trả nợ cuối cùng ngày 21/5/2021 ông Bùi Hồng B không trả được nợ, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo đúng thỏa thuận và đã chuyển nợ quá hạn. Tính đến ngày 11/8/2022 hộ gia đình ông Bùi Hồng B còn nợ của Phòng giao dịch Ngân hàng CS huyện Đ số tiền là 52.401.500đ (trong đó tiền nợ gốc là 40.000.000đ, tiền lãi trong hạn: $40.000.000đ \times 6,6\%/365 \text{ ngày} \times 2.273 \text{ ngày} = 16.440.300đ$ trừ đi số tiền lãi đã nộp 4.947.000đ còn lại lãi trong hạn phải nộp 11.493.300đ; tiền lãi quá hạn = $40.000.000đ \times 1,98\% \times 419/365 \text{ ngày} = 909.200đ$).

Đến nay Phòng giao dịch Ngân hàng CS huyện Đ yêu cầu hộ gia đình ông Bùi Hồng B phải trả số tiền còn nợ của 02 món vay tính đến ngày 11/8/2022 là 63.599.800đ (sáu mươi ba triệu năm trăm chín mươi chín nghìn tám trăm đồng). Trong đó tiền nợ gốc là 47.000.000đ, tiền lãi trong hạn 15.096.600, tiền lãi quá hạn: 1.503.200đ.

* Tại biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải ngày 15/3/2022, bị đơn là ông Bùi Hồng B trình bày: Từ ngày 26/11/2012 đến ngày 21/5/2016 ông có đứng ra đại diện cho hộ gia đình có vay của Phòng giao dịch Ngân hàng CS huyện Đ 02 món vay gồm:

- Món vay theo chương trình nước sạch vệ sinh môi trường ngày 26/11/2012

với số tiền gốc là 8.000.000đ, lãi suất là 0,75%/ tháng, ngày trả nợ gốc cuối cùng là ngày 21/6/2019. Đến ngày 19/3/2021 ông đã trả cho Ngân hàng 1.000.000đ tiền gốc, còn nợ lại 7.000.000đ tiền gốc.

- Món vay theo chương trình hộ nghèo ngày 21/5/2016 với số tiền gốc là 40.000.000đ, lãi suất là 0,55%/tháng, ngày trả nợ gốc cuối cùng là ngày 21/5/2021. Đến thời hạn trả nợ cuối cùng của 02 món vay trên do điều kiện gia đình có khó khăn, gia đình ông không trả được nợ theo đúng thỏa thuận nên Ngân hàng đã chuyển sang nợ quá hạn.

Đến nay ông B xác nhận vợ chồng ông gồm ông và vợ là bà Vũ Thị M còn nợ của Phòng giao dịch Ngân hàng CS huyện Đ số tiền cả gốc và lãi tính đến ngày 15/3/2022 là 61.973.062 đồng, vợ chồng ông sẽ có trách nhiệm trả số nợ trên cho Ngân hàng.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không lần nào đến Tòa án để làm việc. Vì vậy Tòa án không thu thập được lời khai của bà M.

*Tòa án đã gặp ông Vũ Xuân B1, trú tại khu L, xã X là bố đẻ bà Vũ Thị M. Ông B1 xác nhận: Bà M là con gái ông, là vợ ông Bùi Hồng B. Ông B, bà M chung sống với nhau tại nhà riêng ở khu V, xã X. Hiện nay bà M đang làm thuê ở Hà Nội, làm công việc gì ông không nắm được, mỗi tháng bà M có về nhà thăm con 2- 3 lần vào các ngày nghỉ cuối tuần, khi về nhà cháu M thường xuyên sang nhà thăm vợ chồng tôi.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án dân sự theo yêu cầu của Ngân hàng, đã gửi các văn bản tố tụng cho bà M. Do bà M không ở nhà nên ông đã nhận thay các văn bản giấy tờ đó và đã thông báo ngay cho bà M biết, còn lý do bà M không đến Tòa án làm việc thì gia đình ông không biết.

* Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến, xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Các điều 280, 357, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự; Điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng CS đối với ông Bùi Hồng B và bà Vũ Thị M.

Về nghĩa vụ trả nợ: Buộc ông Bùi Hồng B và bà Vũ Thị M phải có nghĩa vụ trả cho Phòng giao dịch Ngân hàng CS huyện Đ số tiền là 63.599.800đ (sáu mươi ba triệu năm trăm chín mươi chín nghìn tám trăm đồng). Trong đó tiền nợ gốc là 47.000.000đ, tiền lãi trong hạn 15.096.600, tiền lãi quá hạn: 1.503.200đ tính đến ngày 11/8/2022 và toàn bộ các khoản phí, lãi suất phát sinh từ ngày 12/8/2022 cho đến khi thanh toán xong nợ.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Bùi Hồng B, bà Vũ Thị M phải nộp tương ứng với nghĩa vụ trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ pháp luật trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn là Ngân hàng CS - Chi nhánh huyện Đ với bị đơn là ông Bùi Hồng B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị M. Ông B, bà M có hộ khẩu thường trú tại khu V, xã Hùng Xuyên, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

Trong quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với ông Bùi Hồng B, bà Vũ Thị M theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. ông B có đến Tòa án làm việc 01 lần vào ngày 15/3/2022, còn bà M không lần nào có mặt để làm việc. Tòa án đã triệu tập phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng ông B, bà M vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt ông B, bà M.

[2] Về nội dung:

- Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngân hàng CS yêu cầu ông Bùi Hồng B, bà Vũ Thị M trả số tiền gốc và lãi tính đến ngày 11/8/2022 là 63.599.800đ (sáu mươi ba triệu năm trăm chín mươi chín nghìn tám trăm đồng). Trong đó tiền nợ gốc là 47.000.000đ, tiền lãi trong hạn 15.096.600, tiền lãi quá hạn: 1.503.200đ và toàn bộ các khoản phí, lãi suất phát sinh từ ngày 12/8/2022 cho đến khi thanh toán xong nợ.

- Đại diện Ngân hàng CS, ông Bùi Hồng B đều xác định đây là khoản vay chung của hộ gia đình ông B nên ông B, bà M đều phải có nghĩa vụ trả 02 khoản nợ này cho Ngân hàng.

- Xét thấy: Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay đề ngày 26/11/2012, ngày 21/5/2016 và sổ vay vốn là hợp đồng vay tài sản có thời hạn và có lãi. Việc xác lập hợp đồng tín dụng giữa Phòng giao dịch Ngân hàng CS huyện Đ với ông Bùi Hồng B, bà Vũ Thị M là tự nguyện, có nội dung và hình thức phù hợp với các quy định của pháp luật, thỏa mãn Điều 117 Bộ luật dân sự, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Quá trình thực hiện hai hợp đồng ông B, bà M đã vi phạm nghĩa vụ về thời gian trả nợ gốc, lãi, vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo quy định tại Điều 280, Điều 466 và Điều 470 của Bộ luật dân sự. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng CS là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc ông Bùi Hồng B, bà Vũ Thị M phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng CS số tiền là 63.599.800đ (sáu mươi ba triệu năm trăm chín mươi chín nghìn tám trăm đồng). Trong đó tiền nợ gốc là 47.000.000đ, tiền lãi trong hạn 15.096.600, tiền lãi quá hạn: 1.503.200đ và toàn bộ các khoản phí, lãi suất phát sinh từ ngày 12/8/2022 cho đến khi thanh toán xong nợ.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng CS đối với ông Bùi Hồng B, bà Vũ Thị M được chấp nhận nên bị đơn ông B, bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Các điều 280, 357, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự; Điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng CS đối với ông Bùi Hồng B, bà Vũ Thị M.

- Về nghĩa vụ trả nợ: Buộc ông Bùi Hồng B và bà Vũ Thị M phải có nghĩa vụ trả cho Phòng giao dịch Ngân hàng CS huyện Đ số tiền là 63.599.800đ (sáu mươi ba triệu năm trăm chín mươi chín nghìn tám trăm đồng). Trong đó tiền nợ gốc là 47.000.000đ, tiền lãi trong hạn 15.096.600, tiền lãi quá hạn: 1.503.200đ và toàn bộ các khoản phí, lãi suất phát sinh từ ngày 12/8/2022 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày 12/8/2022 ông Bùi Hồng B, bà Vũ Thị M còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Bùi Hồng B, bà Vũ Thị M phải nộp 3.182.700đ (Ba triệu một trăm tám mươi hai nghìn bảy trăm đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án Ngân hàng CS có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKS huyện, tỉnh;
- Chi cục Thi hành án DS;
- UBND xã X;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Anh Tuấn

